

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 15 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Bằng

Bà Đỗ Thị Kim Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Kiều Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1981 tại xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Số nhà xxx, đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1943; có chồng là Nguyễn Hồng L, sinh năm 1939 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Viết C, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu T, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Nguyễn Văn L1, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nhân viên của Công ty T, địa chỉ: Số xxx đường M, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu H được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 19A8006970 do Phòng Tài chính kế hoạch TP.Vĩnh Yên cấp ngày 12/4/2013, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 28/9/2015, địa chỉ: Số nhà xxx, đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Thị Thu H - Chủ hộ kinh doanh. Ngành nghề kinh doanh: Phụ tùng ô tô, kim khí điện máy, điện tử, điện dân dụng; vật liệu xây dựng, cốt pha, máy móc công trình.

Công ty N được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp: 2500518851, đăng ký lần đầu ngày 15/9/2014, thay đổi lần thứ 1 ngày 09/11/2015 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, địa chỉ: Số xxx, đường H, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Thị Thu H - Chức danh: Giám đốc.

Năm 2014 và 2015, Trung tâm khuyến nông - khuyến ngư tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Trung tâm khuyến nông tỉnh Vĩnh Phúc) triển khai thực hiện dự án hỗ trợ tiền mua máy nghiền, trộn thức ăn chăn nuôi cho các hộ dân chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc theo Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình thực hiện dự án, Trung tâm khuyến nông tỉnh đã phân công cán bộ phụ trách địa bàn hướng dẫn các hộ dân làm hồ sơ thủ tục để được nhận tiền hỗ trợ. Cụ thể, Nguyễn Viết C - nguyên là cán bộ Trung tâm khuyến nông tỉnh Vĩnh Phúc được giao phụ trách địa bàn một số xã, phường của huyện T và thành phố V, quá trình được giao phụ trách địa bàn, Nguyễn Viết C đã hướng dẫn 19 hộ dân làm hồ sơ hỗ trợ tiền mua máy nghiền trộn thức ăn chăn nuôi.

Trong quá trình thực hiện đề án nói trên, Nguyễn Viết C được giao phụ trách 19 hộ dân trên địa bàn huyện T, thành phố V, các hộ dân khi mua máy nghiền trộn thức ăn chăn nuôi đều không có hóa đơn. Để phục vụ việc quyết toán cho các hộ dân, C trực tiếp mua hóa đơn của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu H và Công ty N đều do Nguyễn Thị Thu H là người đại diện theo pháp luật. Các hóa đơn đều ghi không mặt hàng là máy nghiền, trộn thức ăn chăn nuôi.

Năm 2014, H bán 10 hóa đơn của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu H với tổng doanh số tiền hàng ghi trên hóa đơn là 161.600.000 đồng; năm 2015, H bán 09 hóa đơn của Công ty N với tổng số tiền hàng ghi trên hóa đơn là 164.181.816 đồng, với giá 3% giá trị tiền hàng, số tiền H thu được từ việc bán 19 hóa đơn cho Nguyễn Viết C là 9.773.000đ. Khi mua hóa đơn, Nguyễn Viết C cung cấp

cho Nguyễn Thị Thu H họ, tên người mua hàng, địa chỉ, mặt hàng, tiền hàng để H viết hóa đơn. C soạn sẵn Hợp đồng và thanh lý Hợp đồng để H ký và đóng dấu của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu H và Công ty N.

Ngoài ra, năm 2015, H bán 07 hóa đơn của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu H cho ông Nguyễn Văn L1 là nhân viên của Công ty T ghi không mặt hàng là Lốp và Công lắp đặt máy xúc, với tổng số tiền hàng ghi trên 07 hóa đơn là: 74.560.000 đồng. H bán 07 hóa đơn cho ông Lợi với giá là 3% trên tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn, thu được số tiền là: 2.236.800 đồng. Khi mua hóa đơn, ông Nguyễn Văn L1 đã cung cấp thông tin về tên công ty, mặt hàng, tiền hàng để H viết hóa đơn. Công ty T đã sử dụng 07 hóa đơn nêu trên để hạch toán chi phí của Công ty.

Như vậy từ năm 2014 đến 2015, Nguyễn Thị Thu H đã bán trái phép 26 hóa đơn của HKD Nguyễn Thị Thu H và Công ty N cho Nguyễn Viết C và Nguyễn Văn L1, thu được tổng số tiền là 12.009.800đ.

Tại Cáo trạng số 77/ CT-VKS-P1 ngày 23 tháng 11 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” theo khoản 1 Điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo khoản 1 Điều 164a Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b khoản 4 điều 2 Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTC ngày 26/6/2013; điểm p, h, b khoản 1, khoản 2 điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Không

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 BLTTHS năm 2015, đề nghị: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 12.009.800 đồng Nguyễn Thị Thu H giao nộp.

Ngoài ra, đề nghị bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Bị cáo khai nhận trong khoảng thời gian năm 2014 và 2015, H bán 19 hóa đơn ghi khống mặt hàng là máy nghiền, trộn thức ăn chăn nuôi cho Nguyễn Viết C, trong đó: Năm 2014 bán 10 hóa đơn của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu H với tổng số tiền hàng ghi trên hóa đơn là 161.600.000 đồng; năm 2015 bán 09 hóa đơn của Công ty N với tổng doanh số tiền hàng ghi trên hóa đơn là 164.181.816 đồng. Số tiền H thu được từ việc bán 19 hóa đơn cho Nguyễn Viết C là 9.773.000đ. Ngoài ra, trong năm 2015, H bán 07 hóa đơn của hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu H cho ông Nguyễn Văn L1 ghi khống mặt hàng là Lốp và Công lắp đặt máy xúc đào, với tổng số tiền hàng ghi trên 07 hóa đơn là 74.560.000 đồng, số tiền thu được từ việc bán 7 hóa đơn cho ông Nguyễn Văn L1 là 2.236.800 đồng.

Tổng số tiền H thu lợi từ việc bán 26 hóa đơn là 12.009.800 đồng

Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Nguyễn Thị Thu H đã phạm vào tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại khoản 1 điều 164a BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, vì tại thời điểm bị can thực hiện hành vi phạm tội BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đang có hiệu lực thi hành.

Khoản 1 điều 164a BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định:

“1. Người nào...mua bán trái phép hóa đơn với số lượng lớn... thì bị phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến hai trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 4 điều 2 Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTC ngày 26/6/2013 hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực thuế,

tài chính, kế toán và chứng khoán thì hóa đơn có số lượng lớn là số lượng hóa đơn đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số

Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo H về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại khoản 1 điều 164a BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quy định về chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước, ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bố đẻ bị cáo là ông Nguyễn Ngọc S được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, mẹ đẻ bị cáo là bà Nguyễn Thị C được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, nên bị can được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, h, b khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết, bị cáo đủ điều kiện để áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, chỉ cần xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cũng như tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được tự cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với Nguyễn Viết C đã có hành vi mua 19 hóa đơn của Nguyễn Thị Thu H và Công ty N để hợp thức hồ sơ quyết toán tiền hỗ trợ mua máy nghiền trộn thức ăn chăn nuôi và nhằm chiếm đoạt tiền của các hộ dân được nhận tiền hỗ trợ. Việc mua hóa đơn của C chỉ là phương thức, thủ đoạn nhằm chiếm đoạt tiền ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho các hộ dân, Nguyễn Viết C đã bị khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với ông Nguyễn Văn L1 - Nhân viên của Công ty T, đã có hành vi mua 07 hóa đơn ghi không mặt hàng Lốp và Công lắp đặt máy xúc đào để hạch toán chi phí của Công ty T. Việc ông Lợi mua 07 hóa đơn của HKD Nguyễn Thị Thu H có dấu hiệu của tội mua bán trái phép hóa đơn nhưng không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm Hình sự. Việc Công ty T sử dụng 07 hóa

đơn do ông Lợi mua của HKD Nguyễn Thị Thu H để kê khai, hạch toán chi phí là hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn. Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Vĩnh Phúc có Công văn đề Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc xem xét để xử lý theo quy định của pháp luật về thuế đối với Công ty T.

[3] Về vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 12.009.800 đồng Nguyễn Thị Thu H giao nộp do phạm tội mà có cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện nay đang nuôi hai con nhỏ, theo bị cáo vợ chồng đang ly thân nên sau khi bị điều tra, truy tố việc kinh doanh bị ảnh hưởng nghiêm trọng, kinh tế khó khăn vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 164a; điểm p, h, b khoản 1, khoản 2 điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Thu H 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 12.009.800 đồng Nguyễn Thị Thu H giao nộp.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQĐT - CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ – CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa HS, HC-TP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Mai

